

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 20/2020/ST-HNGĐ

Ngày 03/9/2020

V/v “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Trình;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Duy Hưng;

Ông Nguyễn Quang Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông: Bà Trần Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2020/TLST - HNGĐ theo Thông báo mở lại phiên tòa số 43/2020/TBMLPT - ST ngày 18/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Ngọc T**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện T, tỉnh P.

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện T, tỉnh P. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai, nguyên đơn anh Lê Ngọc T trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 11/10/2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P, hai bên tự nguyện kết hôn. Khi kết hôn và hiện nay tôi và chị H đều là lao động tự do.

Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, từ năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm tính cách không hợp nhau, không tôn trọng nhau. Mặc dù hai bên đã cố gắng nhưng không cải thiện được đời sống vợ chồng nên chúng tôi đã sống ly thân. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là: Lê Văn T, sinh ngày 07/5/2005. Hiện nay con chung đang do tôi nuôi và học tại trường THCS T, huyện T. Khi ly hôn tôi đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp cho bên vợ hoặc chồng: Không có nên không đề nghị Tòa giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân là ông Nguyễn Văn C (bố đẻ chị H) nhưng chị H không có mặt tại Tòa án nên không lấy lời khai của chị H được, nhưng qua lời khai của ông Nguyễn Văn C xác định như sau: Ông C là bố đẻ của chị Nguyễn Thị H, anh T là con rể. Chị H và anh T kết hôn ngày 11/10/2004, đăng ký tại UBND xã T, huyện T. Sau kết hôn vợ chồng chị H, anh T về ở chung cùng với gia đình anh T tại khu 6, xã T, huyện T. Cuộc sống chung của vợ chồng anh T hòa thuận đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T mãi chơi không quan tâm đến gia đình. Năm 2019, thì chị H đã làm đơn xin ly hôn anh T nhưng anh T muốn đoàn tụ nên đã không ký đơn nên chị H không ly hôn được. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị H, ý kiến của gia đình tôi: chị H thỉnh thoảng vẫn điện thoại về và có nói đến việc ly hôn thì chị H nói bỏ nhau cho nó xong vì khi hai bên gặp nhau lại xảy ra xung đột. Chị H hiện nay đang làm tại Công ty TNHH Nidec Copal Việt Nam tại quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Con chung: Vợ chồng anh T, chị H có 01 con chung là Lê Văn T, sinh 07/5/2005. Hiện nay con chung đang ở cùng với anh T và ông bà nội. Khi ly hôn đề nghị thì đề nghị Tòa án vẫn giữ nguyên cho cháu ở với anh T và ông bà nội. Tòa án có gửi các văn bản tố tụng cho chị H qua ông C, ông C đã thông báo cho chị H nhưng qua điện thoại chị H nói hiện nay đang bận làm ăn và ở xa không thể về được nên Tòa án cứ xét xử vắng mặt. Việc đề nghị ly hôn của anh T thì chị H vẫn giữ ý kiến như đơn xin ly hôn của chị H đề ngày 01/02/2019. Con thì hiện nay đang ở với anh T, chị H làm ăn ở xa không trực tiếp nuôi được nên chị H nhất trí để cho anh T nuôi

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp cho bên vợ hoặc chồng: Không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H đều vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm

Hội đồng xét xử nghị án; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên toà;

2. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 - Điều 51, Khoản 1 - Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Ngọc T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao con chung là Lê Văn T, sinh 07/5/2005 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T do anh T không yêu cầu.

- Về án phí: Anh Lê Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công bố tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Anh Lê Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật nội dung: Đây là quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị H. Anh T và chị H kết hôn ngày 11/10/2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P, hai bên tự nguyện kết hôn. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng nhau, sống theo ý thích riêng của mình. Chính vì vậy, hai bên đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên anh T đề nghị được ly hôn chị H.

Chị Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị H đều cố tình vắng mặt. Ngày 16/6/2020 Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ ủy thác cho Tòa án nhân dân Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh đã nhiều lần liên hệ và triệu tập chị Nguyễn Thị H nhưng chị H không đến Tòa án, từ chối gặp hay trình bày lời khai, do đó không thể thực hiện việc lấy lời khai. Ngày 25/7/2020 chị H có đơn xin vắng mặt.

Mặc dù không lấy được lời khai của chị H xong thông qua bố đẻ chị H là ông Nguyễn Văn C xác định như sau: Chị H và anh T kết hôn ngày 11/10/2004 đăng ký

tại UBND xã T, huyện T. Sau kết hôn vợ chồng chị H, anh T về ở chung cùng với gia đình anh T tại khu 6, xã T, huyện T. Cuộc sống chung của vợ chồng anh T hòa thuận đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T mãi chơi không quan tâm đến gia đình. Năm 2019, thì chị H đã làm đơn xin ly hôn anh T nhưng anh T muốn đoàn tụ nên đã không ký đơn nên chị H không ly hôn được. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị H ý kiến của gia đình ông C: chị H thỉnh thoảng vẫn điện thoại về và có nói đến việc ly hôn thì chị H nói bỏ nhau cho nó xong vì khi hai bên gặp nhau lại xảy ra xung đột. Chị H hiện nay đang làm tại Công ty TNHH Nidoc Copal Việt Nam tại quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng anh T, chị H có 01 con chung là Lê Văn T, sinh 07/5/2005. Hiện nay con chung đang ở cùng với anh T và ông bà nội. Khi ly hôn để ổn định thì đề nghị Tòa án vẫn giữ nguyên cho cháu ở với anh T và ông bà nội. Tòa án có gửi các văn bản tố tụng cho chị H qua ông C, ông C đã thông báo cho chị H nhưng qua điện thoại chị H nói hiện nay đang bận làm ăn và ở xa không thể về được nên Tòa án cứ xét xử vắng mặt. Việc đề nghị ly hôn của anh T thì chị H vẫn giữ ý kiến như đơn xin ly hôn của chị H đề ngày 01/02/2019. Con thì hiện nay đang ở với anh T, chị H làm ăn ở xa không trực tiếp nuôi được nên chị H nhất trí để cho anh T nuôi. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp cho bên vợ hoặc chồng không có.

Xác minh tại địa phương xác định: Anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 11/10/2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T. Hiện nay vợ chồng vẫn đang đăng ký hộ khẩu tại khu 6, xã T, huyện T. Con chung, vợ chồng anh T, chị H có 01 con chung là Lê Văn T, sinh 07/5/2005 hiện nay đang ở với anh T và bố mẹ anh T, học tại trường THCS T. Về tài sản chung, nợ chung địa phương không biết. Việc mâu thuẫn của vợ chồng anh T theo ông C bố đẻ chị H có khai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn tình cảm vợ chồng không còn nên địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T ly hôn chị H. Con chung nên giao cho anh T nuôi dưỡng nhằm đảm bảo ổn định.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với thực tế và pháp luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Cần xử cho anh Lê Ngọc T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Văn T, sinh 07/5/2005. Khi ly hôn anh T đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Hiện nay con chung đang do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và học tại xã T, trong khi chị H làm ở xa không có điều kiện gần gũi chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác ý kiến của ông C (bố đẻ chị H) cũng mong muốn ổn định tâm lý, học tập cho con chung nên đề nghị Tòa án giao cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng - Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung đề nghị được ở với anh T. Vì vậy, cần giao con chung là Lê Văn T, sinh 07/5/2005 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T do anh T không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp cho bên vợ hoặc chồng: Anh T xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 238, Khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 - Điều 51, Khoản 1 - Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a - Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Cho anh Lê Ngọc T được ly hôn chị Nguyễn Thị H

Về con chung: Giao con chung là Lê Văn T, sinh 07/5/2005 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung của chị H.

Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0002586 ngày 07/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản sao bản án giao cho họ hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- THA dân sự huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Trình